

Số: 76 /TB-ĐHTDM-HĐTS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

**Danh sách ứng viên đủ điều kiện tham gia xét tuyển thẳng, xét tuyển kết hợp thi tuyển
Kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một; Nghị quyết số 91/NQ-HĐT ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-ĐHTDM ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông báo số 25/TB-ĐHTDM ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025; Thông báo số 151/TB-ĐHTDM ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo điều chỉnh một số nội dung trong Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ số 25/TB-ĐHTDM và Thông báo số 51/TB-ĐHTDM ngày 30 tháng 9 năm 2025 về việc thay đổi thời gian tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-ĐHTDM ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025.

Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo danh sách ứng viên đủ điều kiện tham gia xét tuyển thẳng, xét tuyển kết hợp thi tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 theo danh sách đính kèm.

Đề nghị ứng viên có tên trong danh sách đủ điều kiện tham gia xét tuyển kết hợp thi tuyển đến nhận phiếu báo dự thi tại Ban Quản lý đào tạo (dãy F1, cổng số 3), Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ứng viên xuất trình căn cước công dân khi đến nhận phiếu báo dự thi. Ứng viên đủ điều kiện tham gia xét tuyển thẳng không nhận phiếu báo dự thi mà chờ thông báo nhận giấy báo trúng tuyển.

Thời gian nhận phiếu báo dự thi: từ 8h00 ngày 10/11/2025 đến 17h00 ngày 14/11/2025 (trong giờ hành chính).

Thời gian sinh hoạt quy chế thi: 14h30 ngày 14/11/2025. Địa điểm: Hội trường 2, Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Ngày thi chính thức: Ngày 15 và 16 tháng 11 năm 2025. Địa điểm: Dãy I3 và I4, Trường Đại học Thủ Dầu Một (Chi tiết phòng thi, giờ thi ghi trong phiếu báo dự thi).

Nhà trường sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của bằng tốt nghiệp đại học và chứng chỉ ngoại ngữ trong hồ sơ đăng ký dự thi của ứng viên. Nếu kết quả kiểm tra phát hiện bằng tốt nghiệp đại học hoặc chứng chỉ ngoại ngữ không hợp pháp thì kết quả trúng tuyển của ứng viên sẽ bị hủy bỏ.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng Trường;
- HT và PHT;
- Ứng viên đăng ký dự thi;
- Website Trường, Ban QLĐT;
- Lưu: VT, BQLĐT, BĐBCL.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Ngô Hồng Điệp



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỪ DẦU MỘT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA XÉT TUYỂN THĂNG
KỶ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số 76 /TB-DHTDM-HĐTS, ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ
Trường Đại học Thừa Thiên Huế)

Stt	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành xét tuyển thăng	Ngành tốt nghiệp đại học	Hệ đào tạo	Xếp loại	Điểm TB toàn khóa học	Điều kiện xét tuyển thăng	Xét ngoại ngữ đầu vào					Ngày tháng năm cấp
												Ngôn ngữ ngoại ngữ đầu vào	Lý do xét miễn thi	Tên văn bản/chứng chỉ	Số VB, CC	Nơi cấp	
1	Trần Đức	Trà	Nam	22/11/2002	Gia Lai	Hệ thống thông tin	Kỹ thuật phần mềm	Chính Quy	Giỏi	8.01	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Kỹ thuật phần mềm	E000363 (GXN: 01503/EPT.2025)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	13/03/2025
2	Nguyễn Công	Danh	Nam	28/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Kế toán	Chính Quy	Giỏi	8.96	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán	B004391 (116/EPT.2024)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	21/06/2025
3	Nguyễn Mạnh	Huy	Nam	07/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Kế toán	Chính quy	Giỏi	8.70	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán	B001932 (GXN hoàn thành 6 HP tiếng anh không chuyên)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	11/07/2024
4	Vương Hoàng Trúc	Phương	Nữ	03/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Kế toán	Chính Quy	Giỏi	8.80	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán	B004440 (238/EPT.2024)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	21/06/2025
5	Nguyễn Quế	Trân	Nữ	14/12/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Kế toán	Chính quy	Giỏi	8.13	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán	B001951 (GXN hoàn thành 6 HP tiếng anh không chuyên)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	11/07/2024
6	Đặng Thị Hương	Giang	Nữ	22/04/1997	Quảng Ngãi	Lịch sử Việt Nam	Sư phạm lịch sử	Chính Quy	Giỏi	8.80	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm lịch sử	B005910 (1372/EPT.2024)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	21/06/2025
7	Trần Phạm Nhật	Lam	Nữ	27/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Lịch sử Việt Nam	Sư phạm lịch sử	Chính Quy	Giỏi	8.22	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm lịch sử	B005912 (2732/EPT.2024)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	21/06/2025
8	Ngô Hoàng	An	Nam	17/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.08	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005037 (GXN: 00445/CPT.2025)	Trường Đại học Thừa Thiên Huế	21/06/2025



Signature

Stt	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành xét tuyển thẳng	Ngành tốt nghiệp đại học	Hệ đào tạo	Xếp loại	Điểm TB toàn khóa học	Điều kiện xét tuyển thẳng	Xét ngoại ngữ đầu vào					
												Ngôn ngữ ngoại ngữ đầu vào	Lý do xét miễn thi	Tên văn bản/chứng chỉ	Số VB, CC	Nơi cấp	Ngày tháng năm cấp
9	Huỳnh Nguyễn Huy	Cường	Nam	12/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.18	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B004931 (GXN: 201/CPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
10	Hà Anh	Duy	Nam	25/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.17	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005074 (HSK3 - H32501002533)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
11	Nguyễn Văn	Hợp	Nam	12/10/2003	Hải Phòng	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.27	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B004935 (GXN: 00497/CPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
12	Võ Thế	Lữ	Nam	06/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.20	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005014 (GXN: 00513/CPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
13	Dư Hoài	Mẫn	Nam	07/12/2003	Tây Ninh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.08	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005070 (GXN: 00495/CPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
14	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	27/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.27	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005020 (GXN: 00517/CPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
15	Phùng Trọng	Phúc	Nam	01/03/2003	Vĩnh Long	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Giỏi	8.26	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B004997 (HSKS- H52412057781)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
16	Châu Đoàn Nhựt	Quang	Nam	03/01/2003	An Giang	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Giỏi	8.26	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B004990 (HSK3- H32406032655)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
17	Nguyễn Trần Đoàn	Thanh	Nữ	21/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.69	ĐT1	Tiếng Nhật	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005049 (N4 - N4A331730A)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
18	Lê Đặng Bảo	Trần	Nữ	21/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.32	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005055 (GXN: 00509/CPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025

Đml

Stt	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành xét tuyển thẳng	Ngành tốt nghiệp đại học	Hệ đào tạo	Xếp loại	Điểm TB toàn khóa học	Điều kiện xét tuyển thẳng	Xét ngoại ngữ đầu vào					Ngày tháng năm cấp
												Ngôn ngữ ngoại ngữ đầu vào	Lý do xét miễn thi	Tên văn bản/chứng chỉ	Số VB, CC	Nơi cấp	
19	Đào Minh	Tùng	Nam	19/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Chính Quy	Giỏi	8.01	ĐT1	Tiếng Trung Quốc	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh	B005090 (149/CPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
20	Nguyễn Tấn	Khoa	Nam	27/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.03	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005626 (GXN: 01711/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
21	Phan Thị Tuyết	Ngân	Nữ	03/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.62	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B001387 (1163/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11/07/2024
22	Nguyễn Ngọc Khánh	Quỳnh	Nữ	28/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.63	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005469 (966/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
23	Đỗ Nguyễn Văn	Thanh	Nữ	07/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.86	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005903 (GXN: 01875/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
24	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	20/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.50	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005878 (GXN: 01712/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
25	Nguyễn Minh	Thơ	Nữ	28/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.21	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005772 (GXN: 01716/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
26	Lê Thị Kim	Thoa	Nữ	15/11/1993	Tây Ninh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	8.35	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học đào tạo chủ yếu bằng tiếng anh	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	R697385330160006 S697385330160006	Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	27/06/2016
27	Lê Anh	Thy	Nữ	13/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.80	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B001278 (1992/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	11/07/2024
28	Lê Song	Toàn	Nam	11/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.58	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005670 (2227/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025



Đam

Stt	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành xét tuyển thẳng	Ngành tốt nghiệp đại học	Hệ đào tạo	Xếp loại	Điểm TB toàn khóa học	Điều kiện xét tuyển thẳng	Xét ngoại ngữ đầu vào					
												Ngôn ngữ ngoại ngữ đầu vào	Lý do xét miễn thi	Tên văn bản/chứng chỉ	Số VB, CC	Nơi cấp	Ngày tháng năm cấp
29	Hồ Cao	Trí	Nam	29/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Xuất sắc	9.21	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005727 (2242/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
30	Mai Ngọc	Trinh	Nữ	13/05/2003	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.04	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005550 (GXN: 01708/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
31	Nguyễn Khánh Ngọc	Tuyền	Nữ	18/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Chính Quy	Giỏi	8.75	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh	B005862 (GXN: 1014/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
32	Đỗ Hoàng Duy	Bảo	Nam	15/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Giỏi	8.40	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	B006217 (531/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
33	Nguyễn Đoàn Hải	Hiền	Nữ	28/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Giỏi	8.49	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính ngân hàng	B006230 (607/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
34	Lê Như	Ngọc	Nữ	14/12/2003	Đắk Lắk	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Chính Quy	Giỏi	8.36	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	B006218 (1492/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
35	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	21/09/2003	Hải Phòng	Tài chính ngân hàng	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Giỏi	8.12	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - ngân hàng	B006043 (321/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
36	Vũ Thị	Phương	Nữ	08/01/2003	Thanh Hóa	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Chính Quy	Giỏi	8.60	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	B006095 (1543/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
37	Nguyễn Thị Ngọc	Thành	Nữ	27/11/2003	Đồng Nai	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Chính Quy	Xuất sắc	9.22	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	B006041 (GXN: 01844/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
38	Đặng Thị Thanh	Thảo	Nữ	30/09/2002	Vĩnh Long	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Chính Quy	Giỏi	8.67	ĐT1	Tiếng Anh	Bảng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bảng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	B006052 (104/EPT.2025)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025

Stt	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành xét tuyển thẳng	Ngành tốt nghiệp đại học	Hệ đào tạo	Xếp loại	Điểm TB toàn khóa học	Điều kiện xét tuyển thẳng	Xét ngoại ngữ đầu vào					
												Ngôn ngữ ngoại ngữ đầu vào	Lý do xét miễn thi	Tên văn bằng/chứng chỉ	Số VB, CC	Nơi cấp	Ngày tháng năm cấp
39	Trần Thị	Thùy	Nữ	12/01/2003	Hải Phòng	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Xuất sắc	9.22	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	B006039 (GXN hoàn thành 6 HP tiếng anh không chuyên)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
40	Nghiêm Thị Kiều	Tiên	Nữ	09/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	Chính Quy	Giỏi	8.74	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	B006248 (1633/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
41	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	19/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	Văn học Việt Nam	Sư phạm Ngữ văn	Chính Quy	Giỏi	8.25	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Ngữ văn	B005965 (2086/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025
42	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	30/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Văn học Việt Nam	Sư phạm Ngữ văn	Chính Quy	Giỏi	8.42	ĐT1	Tiếng Anh	Bằng tốt nghiệp đại học do TDMU cấp còn trong thời hạn 2 năm	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Ngữ văn	B005926 (1091/EPT.2024)	Trường Đại học Thủ Dầu Một	21/06/2025

Danh sách có 42 ứng viên./.

Ghi chú:

- Đối tượng xét tuyển thẳng:

+ ĐT1: Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy toàn khóa học từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10).

+ ĐT2: - Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba: Các kỳ thi Olympic sinh viên; giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước. Đối với các giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học, chỉ áp dụng cho sinh viên chủ trì đề tài hoặc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

★ DANH SÁCH ỨNG VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA XÉT TUYỂN KẾT HỢP THI TUYỂN

KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số **76** /TB-ĐHTDM-HĐTS, ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
1	Bùi Thanh	Ân	Nam	03/09/1997	TP. Hồ Chí Minh	Công tác xã hội	Nhập môn công tác xã hội	Dự thi	Tiếng Anh
2	Hồ Thị Tố	Ngọc	Nữ	01/01/1989	TP. Hồ Chí Minh	Công tác xã hội	Nhập môn công tác xã hội	Dự thi	Tiếng Anh
3	Huỳnh Phạm Thanh	Thảo	Nữ	08/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Công tác xã hội	Nhập môn công tác xã hội	Dự thi	Tiếng Anh
4	Phạm Ngọc Minh	Thư	Nữ	23/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Công tác xã hội	Nhập môn công tác xã hội	Dự thi	Tiếng Anh
5	Nguyễn Ngọc	Vân	Nữ	28/08/2002	Thanh Hóa	Công tác xã hội	Nhập môn công tác xã hội	Xét miễn	Tiếng Anh
6	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	15/03/1998	Đắk Lắk	Công tác xã hội	Nhập môn công tác xã hội	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
7	Nguyễn Duy	An	Nam	06/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
8	Trịnh Văn	Dũng	Nam	27/01/1995	Thanh Hóa	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
9	Trần Thị	Hiền	Nữ	23/09/1994	Hà Tĩnh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
10	Nguyễn Hứa Hồng	Lam	Nữ	11/11/1986	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
11	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	28/04/1984	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
12	Trần Tấn	Lộc	Nam	25/02/1992	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
13	Bùi Nhật	Nam	Nam	25/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
14	Lê Quang	Nhân	Nam	20/08/1983	Đồng Nai	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
15	Trần	Phương	Nam	19/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
16	Lê Tấn	Tài	Nam	14/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
17	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	26/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Xét miễn	Tiếng Anh
18	Nguyễn Lê Hùng	Thuận	Nam	13/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Xét miễn	Tiếng Anh
19	Nguyễn Hà	Triều	Nam	17/06/1998	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
20	Ngô Hà	Tuyên	Nam	22/07/1997	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Xét miễn	Tiếng Anh
21	Hồ Thị Hồng	Vân	Nữ	25/02/1985	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin	Cơ sở tin học	Dự thi	Tiếng Anh
22	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	19/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
23	Dương Thị Mỹ	Hà	Nữ	05/03/1982	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Xét miễn	Tiếng Anh
24	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	28/08/1982	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
25	Lê Hoàng	Khôi	Nam	10/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Xét miễn	Tiếng Anh
26	Nguyễn Lê Hoàng	Kim	Nữ	14/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Xét miễn	Tiếng Anh
27	Nguyễn Bảo Kiều	Loan	Nữ	05/04/1992	Đồng Nai	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
28	Lê Thị Hồng	Mai	Nữ	11/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
29	Trần Nguyễn Thảo	Minh	Nữ	13/07/1995	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
30	Vương Diễm	My	Nữ	25/03/1994	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
31	Nguyễn Trí	Thanh	Nam	10/10/1996	Thanh Hóa	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
32	Hồ Thị Mộng	Thu	Nữ	01/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
33	Vương Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	06/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
34	Đặng Như	Trang	Nữ	27/01/1983	TP. Hồ Chí Minh	Hóa học	Hóa hữu cơ	Dự thi	Tiếng Anh
35	Lê Thị Kim	Dung	Nữ	02/06/1992	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Dự thi	Tiếng Anh
36	Đào Vũ Khánh	Linh	Nữ	23/07/2001	Hưng Yên	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Dự thi	Tiếng Anh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi văn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
37	Nguyễn	Nguyên	Nữ	28/10/1980	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Xét miễn	Tiếng Anh
38	Lê Ngọc Yến	Nhi	Nữ	01/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Dự thi	Tiếng Anh
39	Ninh Thị	Nhung	Nữ	08/04/1993	Ninh Bình	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
40	Lê Diễm	Quỳnh	Nữ	22/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Xét miễn	Tiếng Anh
41	Nguyễn Minh	Toàn	Nam	24/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Xét miễn	Tiếng Anh
42	Nguyễn Hoài	Trâm	Nữ	13/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Dự thi	Tiếng Anh
43	Đàm Huyền	Trình	Nữ	19/06/2002	Đắk Lắk	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Xét miễn	Tiếng Anh
44	Nguyễn Ngọc Như	Tuyền	Nữ	19/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Xét miễn	Tiếng Anh
45	Lê Nguyễn Thảo	Vy	Nữ	09/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Dự thi	Tiếng Anh
46	Huỳnh Tấn	Hậu	Nam	12/01/2003	Đồng Tháp	Khoa học môi trường	Luật và chính sách môi trường	Xét miễn	Tiếng Anh
47	Lê Thành	Không	Nam	04/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	Luật và chính sách môi trường	Xét miễn	Tiếng Anh
48	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	15/06/1997	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	Luật và chính sách môi trường	Xét miễn	Tiếng Anh
49	Nguyễn Mạnh	Tấn	Nam	10/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	Luật và chính sách môi trường	Xét miễn	Tiếng Anh
50	Nguyễn Thị Mai	Thảo	Nữ	25/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	Luật và chính sách môi trường	Xét miễn	Tiếng Anh
51	Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	17/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học môi trường	Luật và chính sách môi trường	Xét miễn	Tiếng Anh
52	Nguyễn Hoàng Nhật	Châu	Nam	09/10/2003	Lâm Đồng	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
53	Phạm Đình	Chương	Nam	24/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh
54	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	20/08/1981	Đồng Nai	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Dự thi	Tiếng Anh
55	Đoàn Thị Thanh	Hằng	Nữ	01/03/1992	Ninh Bình	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Dự thi	Tiếng Anh
56	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	10/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh
57	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	06/11/2003	Vĩnh Long	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
58	Nguyễn Lê	Phúc	Nam	29/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh
59	Lê Quang	Tài	Nam	02/06/2002	Nghệ An	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh
60	Dương Thị	Thái	Nữ	10/05/1987	Thanh Hóa	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Dự thi	Tiếng Anh
61	Phan Thị Hồng	Thắm	Nữ	10/07/1994	Đồng Nai	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Dự thi	Tiếng Anh
62	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	15/07/2003	Đồng Nai	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh
63	Đoàn Tuấn	Tùng	Nam	07/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh
64	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	08/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Lịch sử Việt Nam	Phương pháp luận sử học	Xét miễn	Tiếng Anh
65	Nguyễn Nguyên Cát	Anh	Nữ	05/02/1993	Đồng Nai	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
66	Ngô Thành	Đạt	Nam	28/07/1996	Đồng Nai	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
67	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	Nữ	05/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
68	Đỗ Cao	Dương	Nam	02/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
69	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	Nữ	09/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
70	Lương Nhật	Hào	Nữ	16/11/1999	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
71	Trần Thanh	Hòa	Nam	22/12/1972	Đồng Tháp	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
72	Hồ Thị Trà	My	Nữ	09/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
73	Phan Nguyễn Trúc	Như	Nữ	02/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
74	Đỗ Hữu	Phát	Nam	09/03/2001	Cần Thơ	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
75	Tạ Hoàng	Phi	Nam	12/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
76	Đỗ Thị Hoài	Thanh	Nữ	08/05/1997	Thanh Hóa	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Xét miễn	Tiếng Nga
77	Đỗ Trần Phương	Thảo	Nữ	09/08/1998	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
78	Lưu Ly	Thảo	Nữ	27/11/1998	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Xét miễn	Tiếng Nhật

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
79	Cao Nguyễn Minh	Thư	Nữ	14/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
80	Nguyễn Thị Phương	Vy	Nữ	11/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Ngôn ngữ Anh	Linguistics	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
81	Lê Quốc	Anh	Nam	20/06/1993	Thanh Hóa	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
82	Lê Mỹ	Duyên	Nữ	10/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
83	Vương Thị Kỳ	Duyên	Nữ	24/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
84	Nguyễn Thị	Ghi	Nữ	20/06/1984	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
85	Trần Thị Ngọc	Hằng	Nữ	29/07/1993	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
86	Trương Thái Thanh	Hiền	Nữ	23/12/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
87	Hoàng Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	01/12/2001	TP. Huế	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
88	Trần Ánh	Hồng	Nữ	13/10/1992	Lạng Sơn	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
89	Lê Thị Ngọc	Hương	Nữ	20/05/2002	Đồng Nai	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
90	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	17/09/1990	Quảng Trị	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
91	Vũ Đức	Mạnh	Nam	17/01/2002	Đồng Nai	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
92	Dương Đặng Trà	My	Nữ	02/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
93	Võ Ngọc Kim	Ngân	Nữ	31/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
94	Phan Trần Gia	Nghi	Nữ	17/12/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
95	Lê Thị Bảo	Ngọc	Nữ	01/02/2002	Vĩnh Long	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
96	Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	01/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
97	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	01/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
98	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	15/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
99	Đoàn Trần Tuyết	Nhi	Nữ	23/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
100	Nguyễn Thị Thanh Loan Phương Kim	Phụng	Nữ	05/10/1983	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
101	Lê Hữu	Phước	Nam	06/12/1996	Đồng Nai	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
102	Nguyễn Trương	Phương	Nữ	06/07/1991	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
103	Trương Trúc	Phương	Nữ	03/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
104	Dương Thị	Quỳnh	Nữ	16/07/2003	Đắk Lắk	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
105	Trần Thế	Sơn	Nam	18/03/1991	Khánh Hòa	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
106	Nguyễn Duy	Tâm	Nam	28/05/1990	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
107	Trần Thị Kim	Thoa	Nữ	04/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
108	Đặng Nguyễn Anh	Thư	Nữ	17/07/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
109	Lê Nguyễn Mỹ	Trang	Nữ	01/01/1994	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
110	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	10/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
111	Phan Thị Thanh	Trúc	Nữ	12/05/1987	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Dự thi	Tiếng Anh
112	Trương Hồng	Vy	Nữ	13/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý giáo dục	Giáo dục học	Xét miễn	Tiếng Anh
113	Phạm Tuấn	Anh	Nam	06/11/2002	Quảng Trị	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Xét miễn	Tiếng Anh
114	Trần Kim	Chi	Nữ	17/04/1978	An Giang	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
115	Trần Thị	Cúc	Nữ	05/10/1986	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
116	Phùng Quốc	Cường	Nam	30/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
117	Phạm Thái	Đạt	Nam	25/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
118	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	29/12/1990	Đắk Lắk	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
119	Trần Thị Ngọc	Hà	Nữ	29/12/2003	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Xét miễn	Tiếng Anh
120	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	09/07/1997	Lâm Đồng	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
121	Trần Bích	Hạnh	Nữ	09/06/1996	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Xét miễn	Tiếng Anh
122	Trương Thanh	Hoài	Nam	26/02/1991	Cà Mau	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
123	Nguyễn Thanh	Hồng	Nữ	19/12/2002	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
124	Lê Thị	Huyền	Nữ	26/05/1992	Phú Thọ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
125	Trịnh Quang	Khuông	Nam	15/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
126	Hồ Thị	Mỹ	Nữ	07/10/1994	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
127	Trần Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	22/02/1992	Khánh Hòa	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
128	Võ Minh	Ngọc	Nam	23/08/1992	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
129	Huỳnh Thị Thu	Nguyệt	Nữ	14/09/1989	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
130	Lê Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	03/05/1993	Đắk Lắk	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
131	Lê Thị Thanh	Nhã	Nữ	18/03/1997	Lâm Đồng	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
132	Nguyễn Trần Thúy	Nhi	Nữ	06/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
133	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	07/03/1988	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
134	Phạm Thị	Nhung	Nữ	10/04/1990	Quảng Trị	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
135	Huỳnh Hữu	Phước	Nam	31/07/1997	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
136	Nguyễn Minh	Quân	Nam	09/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Xét miễn	Tiếng Anh
137	Phạm Thị Mỹ	Quý	Nữ	19/05/1996	Đồng Tháp	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
138	Đặng Thị Minh	Tâm	Nữ	13/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
139	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	16/12/1984	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
140	Phan Thị	Thảo	Nữ	08/08/1995	Nghệ An	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
141	Nguyễn Thị Diễm	Thu	Nữ	29/04/1985	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
142	Võ Thị	Thu	Nữ	20/04/1989	Quảng Ngãi	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
143	Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	10/09/1991	Hung Yên	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
144	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	22/05/2000	Vĩnh Long	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
145	Hồ Xuân	Tư	Nam	20/11/1990	Gia Lai	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
146	Lê Sơn	Tuấn	Nam	07/03/1998	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
147	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	06/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
148	Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	11/02/1999	Thanh Hóa	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
149	Phạm Thanh	Tuyền	Nữ	09/09/1996	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
150	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	24/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Xét miễn	Tiếng Anh
151	Đình Quang	Vinh	Nam	06/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Dự thi	Tiếng Anh
152	Nguyễn Tuyết	Anh	Nữ	03/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Dự thi	Tiếng Anh
153	Trịnh Xuân	Bình	Nam	10/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
154	Trần Thị Ngọc	Hằng	Nữ	09/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
155	Nguyễn Văn	Hào	Nam	08/10/2003	Đồng Nai	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
156	Huỳnh Minh	Khang	Nam	20/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
157	Lê Thụy Hoàng	Kim	Nữ	04/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
158	Thái Bảo Quỳnh	Lam	Nữ	06/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Dự thi	Tiếng Anh
159	Ngô Ái	My	Nữ	07/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
160	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	14/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Dự thi	Tiếng Anh
161	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	04/10/1985	Hà Tĩnh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Dự thi	Tiếng Anh
162	Nguyễn Minh	Tài	Nam	09/01/2003	Tây Ninh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh

STT	Họ và tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Ngành dự thi	Môn chuyên ngành thi vấn đáp	Ngoại ngữ đầu vào	
								Dự thi/miễn	Ngôn ngữ
163	Nguyễn Hoàng	Thiện	Nam	09/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Dự thi	Tiếng Trung Quốc
164	Huỳnh Nhất	Vinh	Nam	20/09/2003	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
165	Võ Hoàng Hà	Vy	Nữ	22/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	Tài chính ngân hàng	Tài chính tiền tệ	Xét miễn	Tiếng Anh
166	Nguyễn Dương Khánh	Bình	Nữ	23/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Dự thi	Tiếng Anh
167	Nguyễn Thị	Cầm	Nữ	17/07/1987	Hà Tĩnh	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Dự thi	Tiếng Anh
168	Đồng Thị Kim	Cương	Nữ	15/06/1997	Khánh Hòa	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Dự thi	Tiếng Anh
169	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	06/09/1992	TP. Hồ Chí Minh	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Dự thi	Tiếng Anh
170	Phan Thị Thùy	Diệu	Nữ	06/05/2003	Khánh Hòa	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Xét miễn	Tiếng Anh
171	Đỗ Thị	Dịu	Nữ	13/10/2001	Ninh Bình	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Xét miễn	Tiếng Anh
172	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	02/06/1992	Bắc Ninh	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Dự thi	Tiếng Anh
173	Bùi Thị Ngọc	Nhi	Nữ	26/02/1994	TP. Hồ Chí Minh	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Dự thi	Tiếng Anh
174	Mai Văn	Quốc	Nam	20/10/2003	Thanh Hóa	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Xét miễn	Tiếng Anh
175	Nguyễn Văn	Thành	Nam	25/05/1995	Nghệ An	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Xét miễn	Tiếng Trung Quốc
176	Nguyễn Thị	Toán	Nữ	20/10/1989	Thanh Hóa	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Xét miễn	Tiếng Anh
177	Phạm Ngọc Phương	Trinh	Nữ	29/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Xét miễn	Tiếng Anh
178	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	24/05/1992	Hung Yên	Văn học Việt Nam	Lý luận văn học	Dự thi	Tiếng Anh

Danh sách có 178 ứng viên ./.